

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

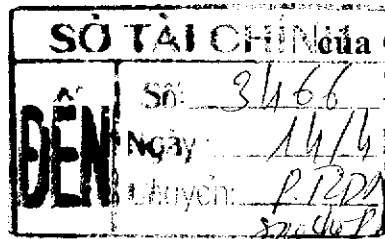
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 986 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 08 tháng 04 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất năm 2014



Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 11/2009/TT-BTC ngày 21/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn đặt hàng, giao kế hoạch đối với đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi và quy chế quản lý tài chính của Công ty nhà nước làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 67/2012/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Xét Biên bản liên ngành Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 21/03/2014 và đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 821/TTr-STC-TCDN ngày 28/03/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất năm 2014 của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, với các nội dung như sau:

1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất năm 2014 của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định theo các chỉ tiêu được xác định tại Phụ lục số 01 của Quyết định này.

Về tiền lương: kế hoạch tiền lương năm 2014 của đơn vị là 18.050 triệu đồng. Căn cứ kết quả hoạt động thực tế, Công ty có trách nhiệm quyết toán quỹ tiền lương thực hiện theo đúng các quy định Nhà nước hiện hành. *vu*

2. Đồng ý chuyển khoản kinh phí sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi năm 2013 chưa thực hiện đến 31/12/2013 là 2.627 triệu đồng chuyển nguồn sang năm 2014 để tiếp tục thực hiện việc nâng cấp, kiên cố hóa kênh mương.

3. Đồng ý cho Công ty được tiếp tục thanh toán trong năm 2014 từ nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí năm 2013 số tiền 3.148 triệu đồng đối với 17 danh mục năm 2013 thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước tỉnh đến 31/12/2013 vẫn chưa được thanh toán dứt điểm (chi tiết tại Phụ lục số 4 đính kèm Quyết định này).

4. Mức chi cho công tác duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi năm 2014 là 22.468 triệu đồng, trong đó:

- Chi nạo vét kênh mương : 3.714 triệu đồng;
- Chi sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi : 18.141 triệu đồng;
- Dự phòng chi : 613 triệu đồng.

Trường hợp doanh thu từ hoạt động dịch vụ tưới nước và tiêu nước phát sinh trong năm cao hơn so với kế hoạch thì giao cho đơn vị chủ động bổ sung vào kinh phí nạo vét kênh mương và sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi.

5. Phê duyệt danh mục sửa chữa thường xuyên TSCĐ công trình thủy lợi gồm 47 danh mục với tổng mức đầu tư là 20.768 triệu đồng được phân bổ từ 02 nguồn vốn (có danh mục cụ thể tại Phụ lục số 2 và số 3 kèm theo). Cụ thể :

+ Nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí năm 2014 : 37 danh mục với tổng kinh phí 18.141 triệu đồng.

+ Nguồn kinh phí năm 2013 chuyển sang : 10 danh mục với tổng kinh phí 2.627 triệu đồng.

Đối với kinh phí nạo vét kênh mương 3.714 triệu đồng - giao Công ty chủ động phê duyệt danh mục để thực hiện kịp thời.

6. Phương thức cấp phát, thanh toán và quyết toán đối với nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí cho Công ty:

- Thực hiện kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước đối với những danh mục sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên.

- Đối với các công trình có mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, giao Giám đốc Công ty tự chịu trách nhiệm việc thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định có trách nhiệm căn cứ kế hoạch sản xuất năm 2014 được phê duyệt nêu trên, xây dựng kế hoạch chi cụ thể cho từng hạng mục công việc theo định mức và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội,

Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /*rlk*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, PCT Trần Thị Thu Hà;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17 (14b)



Trần Thị Thu Hà

PHỤ LỤC 1

PHẠM VĂN CH TỬ, TIÊU, CẤP NƯỚC, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2014
 CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUY LỢI BÌNH ĐỊNH
 Quyết định số: **986/QĐ-UBND** ngày **08/04/2014** của UBND tỉnh)



Nội dung

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ghi chú
I	Kế hoạch cấp nước, tưới nước, tiêu nước		54.550	54.645	57.524	
1	Diện tích cấp nước	ha				
2	Diện tích tưới nước	ha	54.550	54.645	57.524	
3	Diện tích tiêu nước	ha				
4	Diện tích tưới tiêu kết hợp	ha				
5	Diện tích khác.....	ha				
II	Kế hoạch doanh thu	tr.đ	51.470	52.684	54.911	
1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	tr.đ	42.790	42.936	45.084	
2	Thu của các đối tượng không miễn thu TLP	tr.đ	5.150	6.073	6.427	
3	Thu lãi TGNH từ nguồn cấp bù TLP	tr.đ	1.250	1.290	1.000	
4	Thu khác (hoạt động KTCTTL))	tr.đ		85		
5	Thu kinh doanh khai thác tổng hợp	tr.đ	2.280	2.300	2.400	
III	Kế hoạch chi	tr.đ	51.420	52.553	54.861	
1	Chi cho hoạt động khai thác công trình thủy lợi:	tr.đ	49.190	50.306	52.511	
	Tr.đo: Chi duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên	tr.đ	20.796	21.978	22.468	
2	Chi cho kinh doanh khai thác tổng hợp	tr.đ	2.230	2.247	2.350	
3	Chi khác	tr.đ				
IV	Cân đối thu chi Lãi (lỗ)	tr.đ	50	131	50	
1	Lãi (Lỗ) KTCTTL	tr.đ		78		
2	Lãi (Lỗ) kinh doanh tổng hợp	tr.đ	50	53	50	
V	Chi đầu tư, sửa chữa công trình thủy lợi	tr.đ	20.796	21.978	22.468	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	Kế hoạch năm 2014	Ghi chú
	Trong đó:	tr.đ				
	- Chi từ nguồn thu của công ty	tr.đ	20.796	21.978	22.468	
	- Chi SCL đề nghị ngân sách cấp	tr.đ				
VI	Kế hoạch ngân sách cấp hỗ trợ	tr.đ				
1.	Nội dung hỗ trợ	tr.đ	42.790	42.936	45.084	
1.1	Cấp bù do miễn thu thủy lợi phí	tr.đ	42.790	42.936	45.084	
1.2	Cấp kinh phí trợ cấp tài chính	tr.đ				
1.3	Cấp 02 quỹ khen thưởng và phúc lợi	tr.đ				
1.4	Cấp đầu tư, sửa chữa lớn	tr.đ				
1.5	Cấp khoản hỗ trợ khác	tr.đ				
2.	Nguồn hỗ trợ	tr.đ	42.790	42.936	45.084	
2.1	Ngân sách Trung ương	tr.đ	42.790	42.936	45.084	
2.2	Ngân sách địa phương	tr.đ				
VII	Kế hoạch lao động tiền lương					
1	Số lao động	người	278	278	284	
2	Quỹ tiền lương	tr.đ	17.000	17.578	18.050	

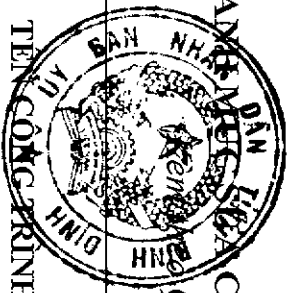
2/14

PHỤ LỤC SỐ 2

DANH MỤC LĨNH VỰC CHỮA THƯỜNG XUYÊN TSCĐ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NĂM 2014

Quyết định số: **986/QĐ-UBND** ngày **08/04/2014** của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng



TT	TÊN CÔNG TRÌNH	HỆ THỐNG	ĐỊA ĐIỂM	KINH PHÍ		GHI CHÚ
				Dưới 500 tr.đ	Từ 500 tr.đ trở lên	
I CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG TƯỚI LẠI GIANG						
1	Kiên cố kênh N8-2 từ (K0+449,1)	Lại Giang	T. Quan Bắc	360	900	
2	Sửa chữa cầu qua kênh N2đ2 tại K12+400	Lại Giang	T. Quan Nam	60		Nông thôn mới
3	Sửa chữa 20 công tưới trên hệ thống tưới Lại Giang - kênh N2-4 tại (K1+15; K1+200; K1+400; K1+700) - kênh N2đ2 tại (K11+100; K6+900; K7+200; K7+500; K7+800) -kênh N2-1 tại (K2+500; K5+600 tá & hữu; K7+500 tá & hữu) - kênh N2đ1 tại (K2+300; K2+350; K2+400; K2+700) - kênh N6 tại (K1+200; K1+400)	Lại Giang	H. Tân, H. Xuân, H. Thanh, Tam Quan	300		
II CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG TƯỚI ĐẬP CÂY GAI, CÂY KÉ						
1	Sửa chữa tràn bằng số 1 - kênh S4	Cây Gai	Cát Tài	1.050	950	
2	Sửa chữa hạ lưu đập Cây Gai	Cây Gai	Cát Lâm	350	950	
3	Sửa chữa công tiêu tại K5+150 - kênh S4	Cây Gai	Cát Tài	250		
4	Kiên cố kênh N1-6 từ K0	Suối Tre	Cát Lâm	350		
5	Gia cố xi phòng Bờ Mun - kênh NK	Cây Ké	Mỹ Chánh	100		
III CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG TƯỚI THẠCH ĐỀ - THÁP MÃO - LÃO TÂM						
1	Kiên cố Bắc Gò Đậu từ K1+414	Tháp Mão	Nhơn An	1.251	3.671	
2	Kiên cố kênh S1 thượng hạ lưu dốc nước số 2	Tháp Mão	Phước Hưng	400	1.000	Nông thôn mới

(Handwritten signature)

Thanh

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	HỆ THỐNG	ĐỊA ĐIỂM	KINH PHÍ		GHI CHÚ
				Dưới 500 tr.đ	Từ 500 tr.đ trở lên	
3	Trang bị bổ sung phai các đập dâng	Toàn hệ thống		241		
4	Sửa chữa nâng cấp đập dâng Tháp Mão	Tháp Mão	Nhon Khánh		2.021	
5	Sửa chữa công lấy nước Ba Trang - kênh Cầu Dài	Thị Lỵa	Nhon Thành	200		
6	Sửa chữa cánh cửa van đập Cùng - kênh Nam 19/5	Thị Lỵa	Nhon Thành	200		
7	Kiên cố hóa kênh S từ K5+619 trở đi	Tháp Mão	Phước Quang		650	
8	Kiên cố kênh S8 từ K0+967 -:- K1+45,5	Tháp Mão	Phước Quang	210		
IV CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG TUỚI NÚI MỘT - THẠNH HÒA						
1	Kiên cố kênh N1-4 từ K0	Núi Một	Bình Nghi		6.050	
2	Trang bị bổ sung phai các đập dâng	Toàn hệ thống		239		Nông thôn mới
3	Sửa chữa Xi phong Hồ Soi kênh N1-4	Núi Một	Bình Nghi	150		
4	Sửa chữa tràn Bờ ka kênh N6 tại K4+800	Núi Một	Nhon Lộc	70		
5	Sửa chữa xi phong Rộc Văn kênh N2-2	Núi Một	Nhon Lộc	70		
6	Xây dựng điều tiết Bờ Bạ Thu	Núi Một	Nhon Hòa	200		
7	Kiên cố kênh N2-19-2 từ K0+431,5m	Núi Một	Nhon Hòa		800	
8	Kiên cố kênh N2-4 từ K3+292m	Núi Một	Nhon Hòa		600	
9	Kiên cố kênh N2-2 từ K2+120	Thanh Hòa	Phước An		1.000	Nông thôn mới
10	Kiên cố kênh N2-3 từ K4+362m	Thanh Hòa	Phước Nghĩa		800	Nông thôn mới
11	Kiên cố kênh N8 từ K1+922	Thanh Hòa	Phước Hiệp		600	
12	Xây dựng điều tiết Cây Gạo tại K0+920 - kênh TNX8	Thanh Hòa	Phước Sơn	220		
V CÔNG TRÌNH HỆ THỐNG TUỚI VĂN PHONG - THUẬN NINH - HỒN LẬP						
1	Nạo vét kênh Văn Phong	Văn Phong	Bình Thành		1.160	1.800
					800	

106

Handwritten signature

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	HỆ THỐNG	ĐỊA ĐIỂM	KINH PHÍ		GHI CHÚ
				Dưới 500 tr.đ	Từ 500 tr.đ trở lên	
2	Nạo vét kênh Tân Khai	Văn Phong	Phú Phong	290		
3	Sửa chữa chống mất nước kênh chính từ K1+257	Hòn Lập	Vĩnh Thịnh		1.000	
4	Đào phá hai bờ chống lũ và vét kênh Trường Định	Văn Phong	Bình Hòa	270		
5	Đắp hai bờ chống lũ rọ Trường Định	Văn Phong	Bình Hòa	50		
6	Sửa chữa mô hạ lưu cầu máng Suối Bèo - kênh N1	Thuận Ninh	Bình Tân	50		
7	Sửa chữa cầu máng số 1 kênh N3-3	Hà Nhe	Vĩnh Hòa	150		
8	Sửa chữa cầu máng số 2 kênh N3-3	Hà Nhe	Vĩnh Hòa	150		
9	Sửa chữa kênh N3-3 từ K1+14	Hà Nhe	Vĩnh Hòa	200		
Tổng số 37 danh mục : 18.141 triệu đồng				4.770	13.371	

Handwritten signature

PHỤ LỤC SỐ 3

MÀN HẠNG MỤC SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN TSCĐ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
 VÀ NGUỒN CẤP BÙ THỦY LỢI PHÍ NĂM 2013 KẾT CHUYỂN SANG

Quyết định số : 986 /QĐ-UBND ngày 08/04/2014 của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

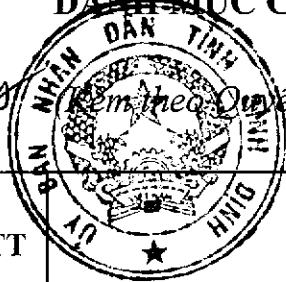


TT	TÊN CÔNG TRÌNH	HIỆ THỐNG	ĐỊA ĐIỂM	KINH PHÍ		GHI CHÚ
				Dưới 500 tr.đ	Từ 500 tr.đ trở lên	
I CÔNG TRÌNH HỆ THÔNG TƯỚI THẠCH ĐÈ						
1	Kiên cố hóa kênh Bờ Máng	Thạch Đè	Nhơn An	225	1.577	
2	Kiên cố kênh Bờ Dạy từ K1+823,2 trở về thượng lưu	Thạch Đè	Nhơn An	150		Nông thôn mới
3	Sửa chữa điều tiết Thái Bình 2 - kênh Cầu Dương	Thạch Đè	Nhơn Hạnh	75		
II CÔNG TRÌNH HỆ THÔNG TƯỚI THÀNH HÒA - NÚI MỘT						
1	Sửa chữa tràn Trường Giang	Thành Hòa	Phước Sơn	80		
2	Sửa chữa đập Thông Chín	Thành Hòa	Phước Lộc	80		
3	Sửa chữa hạ lưu đập An Thuận	Thành Hòa	Phước Thuận	70		
4	Xây dựng cầu số 6 và 2 công tưới kênh N8	Núi Một	Nhơn Lộc	40		Công trình năm
5	Sửa chữa công tràn kênh chính- Thành Hòa	Thành Hòa	Nhơn Hòa	192		2013 chuyển sang
6	Xây dựng kênh tả đập Nghèo từ K0	Núi Một	Nhơn Hòa	63		năm 2014
III CÔNG TRÌNH HỆ THÔNG TƯỚI HỒ ĐỊNH BÌNH						
1	Kiên cố tuyến kênh tưới Định Trường	Định Bình	Vĩnh Quang	300		
Tổng số 10 danh mục : 2.627 triệu đồng				1.050	1.577	

100

PHỤ LỤC SỐ 4

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN NĂM 2013
CÒN NỢ CHƯA THANH TOÁN**



Kèm theo Quyết định số : **986** /QĐ-UBND ngày **08/04/2014** của UBND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	Số tiền còn lại chưa thanh toán	GHI CHÚ
I	Hệ thống tưới Hội Sơn	421	
1	Sửa chữa kênh hộp số 1;2 và 3 kênh N - Cây Gai	421	
II	Hệ thống tưới Tháp Mão, Lão Tâm	946	
1	Kiên cố kênh S4 từ (K0+397)	165	
2	Kiên cố kênh Lò Voi từ (K3+43,3) trở về thượng lưu	106	
3	Kiên cố kênh S8 từ (K0+559)	204	
4	Kiên cố kênh Bắc Hạ Bạc từ K0	133	
5	Kiên cố hóa kênh Bắc Gò Đậu từ (K1+119)	172	
6	Kiên cố hóa kênh Nam Lão Tâm từ (K3+859,2)	166	
III	Hệ thống tưới Núi Một, Thanh Hòa	856	
1	Xây dựng điều tiết Bờ Bạt Cây Bàng	109	
2	Kiên cố kênh N8 từ (K1+786)	197	
3	Kiên cố kênh N2-1 từ (K0+440) và từ K0+762	182	
4	Kiên cố kênh Xiphong Hà Bạc từ thượng lưu điều tiết I	194	
5	Kiên cố kênh N2-19-2	174	
IV	Hệ thống tưới Hòn Lập	123	
1	Sửa chữa kênh chính Hòn Lập từ (K0+700)	123	
V	Hệ thống tưới Lại Giang	404	
1	Kiên cố kênh N2d2 từ K4+608	209	
2	Kiên cố kênh N8-2	195	
VI	Hệ thống tưới Tháp Mão	398	
1	Kiên cố kênh S từ (K5+289)	196	
2	Kiên cố kênh Bờ Dạy từ K2+200 trở về thượng lưu	202	
	Tổng cộng 17 danh mục công trình	3.148	

9/10

